

Bản án số: 238/2022/DS-PT
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà M Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1401/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 427/2022/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Huệ C, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 357/63/4 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đại G, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 238 đường N, Phường 12, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền số 02300 ngày 12/5/2014, lập tại Văn phòng công chứng Quận 6).

Bị đơn: Ông Ôn Thành H, sinh năm 1955. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 357/66A đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà On Ep, Nguyen Thi Bach M (Ôn Thị Bạch Mai), sinh năm 1958. Quốc tịch: Pháp. (vắng mặt)

Địa chỉ: 125Bis AV Castelnau 93700 Drancy, France (Pháp).

2. Ông On Van Th (Ôn Văn Thanh), sinh năm 1961. Quốc tịch: Pháp. (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 Rue Jules Valles 77200 Torcy, France (Pháp).

3. Bà On Thị Bạch H (Ôn Thị Bạch H), sinh năm 1963. Quốc tịch Pháp. (vắng mặt)

Địa chỉ: 11 Avenue Maximilien Robespierre, 94400 Vitry sur Seine, France (Pháp).

Địa chỉ liên lạc: Số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông On Van Ph (Ôn Văn Ph), sinh năm 1965. Quốc tịch Pháp. (vắng mặt)

Địa chỉ: 11 Avenue Maximilien Robespierre, 94400 Vitry sur Seine, France (Pháp).

5. Ông On Van P (Ôn Văn P), sinh năm 1969. Quốc tịch Pháp. (vắng mặt)

Địa chỉ: 29 Grand Allée Des Charmilles 77185 Lognes, France (Pháp).

Người đại diện ủy quyền của bà M, ông Th, ông Ph, ông P: Bà Ôn Thị Bạch H (Ôn Thị Bạch H), sinh năm 1963. Địa chỉ: 11 Avenue Maximilien Robespierre, 94400 Vitry sur Seine, France (Pháp). (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2019, được Đại Sứ Quán Việt Nam tại Pháp chứng nhận theo số chứng thực 30 cùng ngày 17/01/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ôn Thị Bạch H: Ông Huỳnh Văn D, Văn phòng luật sư Huỳnh Văn Dương thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Số 130B/96 đường Phạm Văn Hai, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 365/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Hồ Phát Kim D, sinh năm 1977. (vắng mặt)

8. Bà Hồ Phát Ngọc D (Kim Ba), sinh năm 1981. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 365/26/5 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Dương Thị Mỹ L, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 357/66A đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Ôn Thị Thúy Ng, sinh năm 1980. (vắng mặt)

11. Bà Ôn Thị Thúy Q, sinh năm 1984. (vắng mặt)

12. Anh Phạm Mạnh K, sinh năm 1995. (vắng mặt)

13. Trẻ Ôn Ánh Thúy Ng, sinh năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Ôn Ánh Thúy Ng: Bà Ôn Thị Thúy Ng, sinh năm 1980.

14. Ông Trần Anh V, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

15. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1937. (chết)

Người kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Bé:

- Bà Ôn Ep, Nguyễn Thị Bạch M (Ôn Thị Bạch Mai), sinh năm 1958.

- Ông Ôn Văn Th (Ôn Văn Thanh), sinh năm 1961.

- Bà Ôn Thị Bạch H (Ôn Thị Bạch H), sinh năm 1963.

- Ông Ôn Văn Ph (Ôn Văn Ph), sinh năm 1965.

- Ông Ôn Văn P (Ôn Văn P), sinh năm 1969.

- Ông Ôn Thành H, sinh năm 1955

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Huệ C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2014, nguyên đơn – ông Trần Huệ C và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của ông C - ông Nguyễn Đại G trình bày:

Nguyên đơn – ông Trần Huệ C và bị đơn - ông Ôn Thành H quen biết từ lâu do là lối xóm và có cho bị đơn vay tiền để làm ăn, bán thịt heo.

Ngày 02/10/2013, ông Trần Huệ C và ông Ôn Thành H có xác lập Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 027789 tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt Hợp đồng vay tiền ngày 02/10/2013) với nội dung: Ông Trần Huệ C cho ông Ôn Thành H vay số tiền là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất

1%/tháng. Để đảm bảo cho số tiền vay, ông Ôn Thành H đã đồng ý thế chấp tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 357/66/1 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 396283, sổ vào sổ CH17730 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/7/2013 cho bà Nguyễn Thị B, đăng ký thay đổi ngày 21/8/2013 - ông Ôn Thành H được thừa kế). Ông Ôn Thành H đã được thừa kế và tặng cho ngày 21/8/2013, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 6 ngày 04/10/2013. Ngay sau khi ký hợp đồng trên, nguyên đơn đã giao đủ số tiền 1.200.000.000 đồng cho bị đơn, theo Giấy biên nhận ngày 02/10/2013. Sau đó, bị đơn trả lãi được 02 tháng, với tổng số tiền là 24.000.000 đồng thì ngưng, không tiếp tục trả lãi nữa.

Cùng ngày 02/10/2013, bị đơn đề nghị nguyên đơn cho mượn thêm 36.000.000 đồng và trả góp mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bị đơn đã nhận đủ tiền theo Giấy biên nhận nợ ngày 02/10/2013. Đối với số tiền nợ này, bị đơn đã góp được 2 tháng là 12.000.000 đồng, còn lại 24.000.000 đồng chưa thanh toán.

Sau nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng không được. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Ôn Thành H và vợ là bà Dương Thị Mỹ L cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Huệ C tổng số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng + 24.000.000 đồng = 1.224.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

2. Buộc ông Ôn Thành H và vợ là bà Dương Thị Mỹ L cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Huệ C tổng số tiền lãi phát sinh (lãi trong hạn và lãi quá hạn) với lãi suất 1%/tháng theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 027789 tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh, tính từ ngày 02/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Để đảm bảo thi hành án, đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nếu hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H và bà Lê không Th toán cho ông C toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh.

Nguyên đơn không yêu cầu định giá nhà đất tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn - ông Ôn Thành H tại bản tự khai ngày 03/9/2014 và ngày 06/5/2019 trình bày:

Cuối năm 2007, vợ bị đơn là bà Dương Thị Mỹ L có làm ăn với bà Trần Thị M (mẹ vợ của nguyên đơn) và mượn trực tiếp của bà Trần Thị M, nhưng phải ký giấy nợ với con gái bà M là bà Hồ Phát Ngọc D (Kim Ba). Tổng số tiền nợ chưa tới 300.000.000 đồng, trả lãi 45%/tháng. Do trả lãi quá cao, lãi mẹ đẻ lãi con nên đến năm 2013 bà M đã giữ toàn bộ giấy tờ khi bàn bạc nói bị đơn đưa giấy tờ nhà cho bà xem, đồng thời buộc bị đơn ký với nguyên đơn Hợp đồng vay tiền ngày

02/10/2013 tại Phòng công chứng, mà không nhận số tiền 1.200.000.000 đồng như Biên nhận cùng ngày. Do đó, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản khai ngày 06/5/2019, bị đơn thừa nhận ngày 02/10/2013, có ký Hợp đồng vay 1.200.000.000 đồng và nợ lãi 1%/tháng và thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở Số công chứng 027789 tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên đơn. Số tiền này bị đơn mượn của nguyên đơn để - mua bán thịt heo, làm ăn nuôi sống gia đình, vì bị thua lỗ nên không còn khả năng chi trả. Số tiền nợ trên chỉ do một mình bị đơn mượn nợ nguyên đơn, không liên quan đến vợ của bị đơn là bà Dương Thị Mỹ L và 05 người còn là anh Ôn Thái Phương, chị Ôn Thị Thúy Phương, chị Ôn Thị Thúy Ng, chị Ôn Thị Thúy Giang, chị Ôn Thị Thùy Quyên.

Bị đơn đồng ý cùng với vợ là bà Dương Thị Mỹ L trả cho nguyên đơn vốn và lãi theo Hợp đồng và những trả góp mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do không có sức khỏe, hoàn cảnh khó khăn.

Ngoài ra, nếu các đồng thừa kế còn lại của cha là cụ Ôn Văn Ch (Ôn Georges) gồm mẹ là cụ Nguyễn Thị B và các em là bà Ôn Thị Bạch Mai, ông Ôn Văn Thanh, bà Ôn Thị Bạch H, ông Ôn Văn Ph, ông Ôn Văn P đồng ý chia cho ông H 01 suất thừa kế trong nhà đất tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, ông đồng ý lấy giá trị suất thừa kế đó để trả bớt tiền nợ và lãi cho ông Trần Huệ C, số còn lại ông xin trả góp dần cho ông C 1.000.000 đồng/tháng.

Đối với yêu cầu phát mãi nhà đất tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý do nhà đất nêu trên không thuộc quyền sở hữu của riêng ông mà thuộc quyền sở hữu của mẹ là cụ Nguyễn Thị B và các em của ông - bà Ôn Thị Bạch Mai, ông Ôn Văn Thanh, bà Ôn Thị Bạch H, ông Ôn Văn Ph, ông Ôn Văn P theo Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2015/DSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Ôn Thị Bạch H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Ôn Thị Bạch Mai, ông Ôn Văn Thanh, ông Ôn Văn Ph, ông Ôn Văn P trình bày:

Nhà đất tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung do cha mẹ của các ông bà là ông Ôn Văn Ch (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1937 tạo lập. Ông Ôn Văn Ch và bà Nguyễn Thị B chung sống có 06 người con chung là ông Ôn Thành H, bà Ôn Thị Bạch Mai, ông Ôn Văn Thanh, bà Ôn Thị Bạch H, ông Ôn Văn Ph, ông Ôn Văn P. Ngoài 06 người con trên, ông Chấn và bà Bé không có con riêng, con nuôi, con chung nào khác.

Đối với 03 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà không đồng ý do việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn không có liên quan đến các ông bà. Nhà

đất mà bị đơn thế chấp cho nguyên đơn tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không thuộc quyền sở hữu riêng của bị đơn. Do bị đơn chỉ có 01 suất thừa kế trong nhà đất trên, nên các ông bà đồng ý mua lại 01 suất thừa kế của bị đơn với giá tương đương là 300.000.000 đồng để trả nợ cho nguyên đơn, không yêu cầu định giá nhà đất nêu trên.

Hiện nay, tại nhà đất nêu trên chỉ còn bà Ôn Thị Thúy Ng, bà Ôn Thị Thùy Quyên, trẻ Ôn Ánh Thúy Ng là con bà Ôn Thị Thúy Ng, ông Trần Anh V là chồng bà Ôn Thị Thúy Ng thực tế cư trú. Ngoài các ông bà đã nêu, thực tế không còn ai khác cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Ôn Thị Thúy Ng đồng thời là người đại diện theo pháp luật của trẻ Ôn Ánh Thúy Ng vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà không có liên quan đến việc mượn nợ giữa ông Trần Huệ C và ông Ôn Thành H nên việc tranh chấp này, ông Ôn Thành H hoàn toàn tự giải quyết. Đồng thời bà Ôn Thị Thúy Ng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Mỹ L vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà không có liên quan đến số nợ giữa ông Trần Huệ C và chồng bà - ông Ôn Thành H. Bà không có ý kiến và yêu cầu nào trong vụ án này. Bà chỉ biết ông H mượn tiền ông C để mua bán làm ăn sinh sống trong gia đình. Bà không biết giá trị của nhà đất tại số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc tội liên đới cùng ông H trả nợ và lãi cho ông C, bà đồng ý liên đới cùng trả nợ với ông C. Bà chấp nhận mọi ý kiến của bà Ôn Thị Bạch H. Đồng thời bà Dương Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ôn Thị Thùy Quyên vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà không có liên quan đến việc mượn nợ giữa ông Trần Huệ C và ông Ôn Thành H nên việc tranh chấp này, ông Ôn Thành H hoàn toàn tự giải quyết. Đồng thời bà Ôn Thị Thùy Quyên có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh V vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Ông là con rể của bị đơn, ông không có liên quan đến việc mượn nợ giữa nguyên đơn và bị đơn nên việc tranh chấp này, bị đơn tự giải quyết. Đồng thời ông Trần Anh V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án cho đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà không có liên quan đến việc mượn nợ giữa nguyên đơn và bị đơn nên việc tranh chấp này, bị đơn tự giải quyết. Đồng thời bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Phát Kim D vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà là vợ của nguyên đơn, toàn bộ số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay đó là tài sản riêng của nguyên đơn, bà không liên quan đến vụ án này.

Đồng thời bà Hồ Phát Kim Dung có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Phát Ngọc D (tên thường gọi Kim Ba) vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà là em vợ của nguyên đơn, bà có biết bị đơn vì là hàng xóm, nhưng bà không biết việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền. Nếu bị đơn cho rằng bà có biết và liên quan đến việc vay tiền thì yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh. Đồng thời bà Hồ Phát Ngọc D (Kim Ba) có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Bà là mẹ vợ của nguyên đơn, và biết bị đơn vì là hàng xóm, nhưng bà không biết việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền. Nếu bị đơn cho rằng bà có biết và liên quan đến việc vay tiền thì bà yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh. Đồng thời bà có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Mạnh K vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Ông là cháu của ông Ôn Thành H. Ông không liên quan đến việc mượn nợ giữa ông H và ông Trần Huệ C, nên về vụ việc này, ông H hoàn toàn tự giải quyết. Đồng thời ông Phạm Mạnh K có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1401/2019/DS-ST ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 464; 465, 466 468; 469 470; 476; 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 476; khoản 4, khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005. Khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huệ C.

1. Buộc ông Ôn Thành H và bà Dương Thị Mỹ L cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Huệ C tổng số tiền 2.064.460.000 đồng (Hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000 đồng + 24.000.000 đồng = 1.224.200.000 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi là 840.460.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực

pháp luật. Thi hành tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi phát mãi Căn nhà số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, để đảm bảo khoản nợ nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử ngày 24/10/2019 nguyên đơn ông Trần Huệ C có đơn kháng cáo một phần bản án đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đại G trình bày: Ngày 02/10/2013 ông Ôn Thành H vay số 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng đến 02/4/2014 là hết hạn, lãi suất 1% tháng. Ông H đã đồng ý thế chấp tài sản cho ông C là nhà ở và quyền sử dụng đất tại 357/66/1 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 02/10/2013 ông C tiếp tục cho ông H mượn thêm 36 triệu đồng với số tiền này còn nợ 24 triệu đồng. Tòa án sơ thẩm không đồng ý phát mãi tài sản là không đúng theo quy định tại điểm 1 Mục II của Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào Bản án số 34/2015/DS-ST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xác định căn nhà trên là tài sản chung là không đúng. Bản án số 34/2015/DS-ST đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không triệu tập ông C tham gia tố tụng. Việc bị đơn thế chấp toàn bộ căn nhà là đúng quy định do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, phát mãi tài sản thế chấp nếu bị đơn không có khả năng trả nợ.

Ông Huỳnh Văn D đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, xác định đây là tài sản do ông Ôn Văn Ch và bà Nguyễn Thị B tạo lập chứ không phải tài sản riêng của ông H. Do vậy, việc ông H tự ý thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất là không đúng. Việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến các đồng thừa kế nên không được quyền phát mãi căn nhà.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Huệ C nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là đúng theo Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 02/10/2013, ông Trần Huệ C và ông Ôn Thành H có xác lập Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 027789 tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Ông Trần Huệ C cho ông Ôn Thành H vay số tiền là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 1%/tháng. Để đảm bảo cho số tiền vay, ông Ôn Thành H đã thế chấp tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 357/66/1 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã giao đủ số tiền 1.200.000.000 đồng cho bị đơn, theo Giấy biên nhận ngày 02/10/2013. Sau đó, bị đơn trả lãi được 02 tháng, với tổng số tiền là 24.000.000 đồng thì ngưng. Cùng ngày 02/10/2013, nguyên đơn cho bị đơn mượn thêm 36.000.000 đồng, sẽ trả góp mỗi tháng 6.000.000 đồng. Ông H đã trả cho ông C 12.000.000 đồng, còn lại 24.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý cùng vợ trả số tiền trên mỗi tháng 1.000.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.224.000.000 đồng. Tiền lãi là 828.000.000 đồng. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.064.460.000 đồng là đúng quy định.

[2.2] Nguyên đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét trong trường hợp ông Ôn Thành H không có khả năng trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất số 357/66/1 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:

Xét, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2015/DSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử: “*Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 18040 quyển số 08/TP/CC-SCCHNGĐ do Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 08/8/2013 là vô hiệu. Và hủy bỏ trang bổ sung của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 396283 số vào sổ CH 17730 đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 6 xác nhận cập nhật đăng ký biến động chủ sở hữu, ngày 21/8/2013*”. Các bên đương sự thừa nhận không khiếu nại bản án nêu trên, đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật, không bị cấp trên thay đổi gì đối với bản án này. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại phần quyết định Bản án 34/2015/DSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nêu: “*Đình chỉ đối với yêu cầu: 1. Hủy bỏ Điều 4 của bản Hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số công chứng 027789 lưu tại quyển số 10 do Phòng công chứng số 2 chứng nhận ngày 02/10/2013. 2. Đồng thời, buộc ông Trần Huệ C hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ giấy tờ bản chính mà hiện nay ông C đang cất giữ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*”. Xét thấy, Bản án liên quan trực tiếp

đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Huệ C nhưng Tòa án không đưa nguyên đơn vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục, do vậy kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án 34/2015/DSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Như vậy, nguyên đơn ông Trần Huệ C kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Huệ C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Huệ C. Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 464; 465, 466 468; 469; 470; 476; 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 476; khoản 4, khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005. Khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huệ C.

1.1. Buộc ông Ôn Thành H và bà Dương Thị Mỹ L cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Trần Huệ C tổng số tiền 2.064.460.000 đồng (Hai tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000 đồng + 24.000.000 đồng = 1.224.200.000 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi là 840.460.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi phát mãi Căn nhà số 357/66/1 đường Hậu G, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, để đảm bảo khoản nợ nêu trên.

2. Kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án sơ thẩm số 34/2015/DSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Huệ C phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0024854 ngày 30/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận ông C đã nộp đủ.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Đường sự (10)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 21b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân